DX200 S5

* Maximum utilization and consolidation

Massive scalability makes it perfect for any future requirements. Flexible combination of flash and disk media allow a broader scope of deployments, while unified SAN and NAS access drives system utilization and enhances ROI. Outstanding benchmark results with ultra-low latency and all-inclusive free-of-charge management suite ETERNUS SF Express make it the ideal RAID system.

* Round-the-clock Business Continuity

Avoid planned or unplanned downtimes with replication and Storage Cluster. High redundancies enable business critical computing, data processing and real time data mirroring at the highest level and a system availability of up to 99.9999%. Intelligent snapshot functionality supports secure backups.

* Automated Quality-of-Service

Control application priorities according to business needs, minimize admin efforts, automate monitoring and adjustment to guarantee service levels

* Selective use of deduplication / compression

Use data reduction technologies at the volume level to improve storage efficiency and meet performance SLA’s, and also save storage capacity in hybrid configurations

-----------------------------------------------

- Tận dụng và hợp nhất tối đa

Khả năng mở rộng lớn làm cho nó hoàn hảo cho bất kỳ yêu cầu nào trong tương lai. Sự kết hợp linh hoạt giữa flash và phương tiện đĩa cho phép phạm vi triển khai rộng hơn, trong khi quyền truy cập SAN và NAS thống nhất thúc đẩy việc sử dụng hệ thống và nâng cao ROI. Kết quả điểm chuẩn vượt trội với độ trễ cực thấp và bộ quản lý miễn phí trọn gói ETERNUS SF Express khiến nó trở thành hệ thống RAID lý tưởng.

- Kinh doanh liên tục 24/24

Tránh thời gian ngừng hoạt động theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch với cụm sao chép và lưu trữ. Dự phòng cao cho phép tính toán quan trọng trong kinh doanh, xử lý dữ liệu và phản chiếu dữ liệu theo thời gian thực ở mức cao nhất và độ khả dụng của hệ thống lên tới 99,9999%. Chức năng chụp nhanh thông minh hỗ trợ sao lưu an toàn.

- Chất lượng dịch vụ tự động

Kiểm soát mức độ ưu tiên của ứng dụng theo nhu cầu kinh doanh, giảm thiểu nỗ lực của quản trị viên, tự động giám sát và điều chỉnh để đảm bảo mức độ dịch vụ

- Sử dụng có chọn lọc chống trùng lặp / nén

Sử dụng các công nghệ giảm dữ liệu ở mức âm lượng để nâng cao hiệu quả lưu trữ và đáp ứng SLA về hiệu suất, đồng thời tiết kiệm dung lượng lưu trữ trong các cấu hình kết hợp

# Technical details – Thông số kỹ thuật

General system information

2.5-inch Controller Enclosure 3.5-inch Controller Enclosure

No. of controllers ½

\*No. of host interfaces (Interface) 4-16 ports [FC(16Gbit/s)], 8/16 ports [Ethernet(1Gbit/s)], 4/8 ports [FC(32Gbit/s), iSCSI(10Gbit/s, 1Gbit/s), SAS (12Gbit/s), Ethernet(10Gbit/s)]

\*Maximum System Memory (Bộ nhớ hệ thống tối đa) 128 GB

\*Extreme Cache Pool – Nhóm bộ đệm cực cao 1.6 TB

Maximum Disk Drives - Ổ đĩa tối đa 264

Max. no. of drive enclosures 10

Note 10 with 2.5” or 3.5” DE, 4 with HD-DE or mixture of DEs up to Max no. Drives

Supported RAID levels (Hỗ trợ cấp độ RAID) 0, 1, 1+0, 5, 5+0, 6

\*Host Interfaces – Giao diện máy chủ Fibre Channel (16 Gbit/s, 32Gbit/s)

iSCSI (10 Gbit/s [10GBase-SR, 10GBase-CR, 10GBase-T], 1 bit/s) SAS (12 Gbit/s) Ethernet (10 Gbit/s, 1 Gbit/s)

\*Mixed host interfaces Yes

Max. no. of hosts 1,024

Supported NAS protocols CIFS (SMB 3.1.1), CIFS (SMB3.0.2), CIFS (SMB 3.0), CIFS (SMB2.1), NFS (NFSv4), NFS (NFSv3), FTP, FXP

Maximum Storage Capacity - Dung lượng lưu trữ tối đa HDD 4,752 TB

Maximum Storage Capacity SSD 8,110 TB

\*Drive Type 2.5-inch, SAS, 15,000 rpm (900 GB\* / 600 GB\* / 300 GB\*)

2.5-inch, SAS, 10,000 rpm (2.4 TB/ 1.8 TB / 1.2 TB / 600 GB / 300 GB\*)

2.5-inch, SAS (FIPS), 10,000rpm (1.2TB)

2.5-inch, SSD (30.72TB / 15.36TB / 7.68TB / 3.84TB / 1.92TB / 960GB / 800GB)

2.5-inch, SSD (FIPS) (7.68TB / 3.84TB / 1.92TB)

3.5-inch, Nearline SAS, 7,200rpm (18TB / 16TB / 14TB / 12TB / 10TB / 8TB / 6TB / 4TB)

3.5-inch, Nearline SAS (FIPS), 7,200rpm (16TB / 12TB / 8TB / 4TB)

3.5-inch, SSD (7.68TB / 3.84TB / 1.92TB / 960GB / 800GB)

3.5-inch, SSD (self-encrypting) (3.84 TB/1.92 TB)

HDDE, Nearline SAS, 7,200rpm (18TB / 16TB / 14TB / 12 TB / 8TB / 4TB)

HDDE, Nearline SAS (FIPS), 7,200rpm (16TB / 12 TB / 8TB / 4TB)

Performance – Hiệu suất

Latency – Độ trễ 140μsec (Read), 60μsec (Write)

Sequential access performance - Hiệu suất truy cập tuần tự 11,000 MB/s (128KB Read)

4,400 MB/s (128KB Write)

Random access performance - Hiệu suất truy cập ngẫu nhiên 530,000 IOPS (8KB Read)

230,000 IOPS (8KB Write)

Performance management – Quản lý hiệu suất

Automated Storage Tiering Yes

Quality of Service – CHất lượng dịch vụ Yes

Operation Management Client Google Chrome 99, Microsoft Edge® 99

Note Automation options can be activated via ETERNUS SF Software. Use of browser software is subject to proactive acceptance of the respective License Agreements/ EULAs of the Software manufacturer as applicable for the relevant Software whether preinstalled or optional

(Các tùy chọn tự động hóa có thể được kích hoạt thông qua Phần mềm ETERNUS SF. Việc sử dụng phần mềm trình duyệt phải chủ động chấp nhận Thỏa thuận cấp phép/EULA tương ứng của nhà sản xuất Phần mềm áp dụng cho Phần mềm liên quan dù được cài đặt sẵn hay tùy chọn)

Continuity management

Storage Cluster Yes

Remote Copy functionality Synchronous and asynchronous

**\*Note (HA)** The product may in connection with and depending on the specific configuration include elements to support timeand performance-critical applications, however high availability (e.g., 99.9999%) and failsafe performance is not a standalone product feature. If and to the extent the product is to be used in such business-critical environments, it is within the sole responsibility of the user to set up the specific additional technical features (e.g., Storage Cluster), redundancies, and operational conditions as required to ensure such high availability or failsafe performance.

(Sản phẩm có thể liên quan đến và tùy thuộc vào cấu hình cụ thể bao gồm các yếu tố để hỗ trợ các ứng dụng quan trọng về thời gian và hiệu suất, tuy nhiên tính khả dụng cao (ví dụ: 99,9999%) và hiệu suất dự phòng an toàn không phải là một tính năng sản phẩm độc lập. Nếu và trong phạm vi sản phẩm sẽ được sử dụng trong các môi trường kinh doanh quan trọng như vậy, thì người dùng có trách nhiệm duy nhất là thiết lập các tính năng kỹ thuật bổ sung cụ thể (ví dụ: Cụm lưu trữ), dự phòng và các điều kiện hoạt động theo yêu cầu để đảm bảo tính sẵn sàng cao hoặc hiệu suất không an toàn như vậy)